

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HSST

Ngày 08/01/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Trung

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 349/2019/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ VĂN T**, Sinh ngày 08 tháng 9 năm 1987; Tại: tỉnh Thanh Hóa;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
Chỗ ở hiện nay: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: làm thuê (thợ sơn); Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh P, sinh năm 1933 (đã chết) và con bà Lê Thị L, sinh năm 1945. Hiện trú tại: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 17/12/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 2, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, kết án 02 năm 06 tháng tù (tại bản án số 63/2012/HSST). Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, thuộc Tổng cục VIII – Bộ Công an. Ngày 06/12/2014, chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/11/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột – Có mặt.

* *Người bị hại:* Chị Hoàng Thị Phương N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 7, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Đình Quốc D, sinh năm 1990. Địa chỉ: 22 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 115 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T là đối tượng không có nơi cư trú nhất định, thuê phòng trọ ở cùng với anh Trần Văn T1, tại phòng trọ số 03, thuộc dãy trọ địa chỉ: Số 05 T, phường T, thành phố B, để đi làm thuê, cho anh Hàn Văn Tr. Vào khoảng đầu tháng 8 năm 2019, anh Hàn Văn Tr nhận thi công sửa chữa nhà cho chị Hoàng Thị Phương N, tại địa chỉ: Thôn 7, xã C, thành phố B. Sau đó, anh Tr giao cho Lê Văn T, anh Trần Văn T1 và một số công nhân khác tiến hành sửa chữa nhà cho chị N. Quá trình làm việc, T thấy nhà chị N có nhiều tài sản giá trị nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền để tiêu xài và trả nợ, nên khi lắp ráp cửa ra vào phòng khách của căn nhà, T lấy 01 chiếc chìa khóa trong số 04 chiếc chìa khóa cửa cất giấu vào trong người, đợi chị N sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Khoảng 01 giờ sáng ngày 23/8/2019, T mang theo chiếc chìa khóa, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số: 47N9-8337, đi đến nhà chị N tại thôn 7, xã C, thành phố B, để trộm cắp tài sản. T dựng xe mô tô cách nhà chị N khoảng 200m, đi bộ đến trèo qua hàng rào lưới B40 vào sân nhà chị N, rồi sử dụng chiếc chìa khóa mở cửa ra vào của căn nhà, lén lút đột nhập vào bên trong tìm kiếm tài sản trộm cắp. Tại đây, T đi lên phòng ngủ trên gác của căn nhà, thì thấy vợ chồng chị N đang ngủ trên giường. Trên chiếc ghế đôn màu đỏ đặt cạnh đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ và 01 chiếc máy tính bảng hiệu Ipad Pro, đang sạc pin. Thấy vậy, lén lút trộm cắp chiếc điện thoại và chiếc máy tính bảng, rồi đi đến tủ quần áo tiếp tục trộm cắp 01 chiếc túi xách bằng vải dù, màu đỏ, xanh, vàng, bên trong có: 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng Đông Á và 01 giấy phép lái xe của chị Hoàng Thị Phương N; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô biển số: 47B1-961.34 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe mô tô; 02 chiếc kính mắt và số tiền 10.500.000 đồng, rồi tẩu thoát. Khi đi đến khu vực sân nhà chị N, T mở chiếc túi xách lấy số tiền 10.500.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 47B1-961.34 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe mô tô cất giấu vào trong người, rồi vứt bỏ các tài sản còn lại tại khu vực vườn bên cạnh nhà chị N. Sau đó, T mang chiếc điện thoại di động và chiếc máy tính bảng về phòng trọ cất giấu trong một chiếc túi màu đỏ,

rời đi ngủ. Sau khi bị mất tài sản, chị N mở định vị thì xác định được vị trí của chiếc máy tính bảng ở khu vực gần phòng trọ của T nên đã trình báo Cơ quan Công an thành phố B, tiến hành kiểm tra phòng trọ số 03, thuộc dãy trọ địa chỉ: Số 05 T, phường T, thành phố B, phát hiện, tạm giữ: 01 túi bằng vải dù màu đỏ, bên trong có: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, có ốp nhựa dẻo trong suốt và 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Pro, wifi, màu bạc, có ốp da màu nâu. Do sợ bị phát hiện hành vi phạm tội nên Lê Văn T đã bỏ trốn và tiêu xài hết số tiền trộm cắp được. Đến ngày 09/11/2019 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, phát hiện xử lý. Tạm giữ của Lê Văn T: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, biển số: 47N9-8337, số khung: 5C6308Y172907, số máy: 5C63172907; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 47N9-8337; 01 chứng minh nhân dân của chị Hoàng Thị Phương N; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 47B1-961.34 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe mô tô.

Ngày 29/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, kiểm tra tại khu vực vườn bên cạnh nhà chị N, phát hiện tạm giữ: 01 chiếc túi xách bằng vải dù, màu đỏ, xanh, vàng, bên trong có: 01 thẻ ATM của ngân hàng Đông Á, 01 giấy phép lái xe của chị Hoàng Thị Phương N và 02 chiếc kính mắt.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số: 243/KLĐG ngày 19 tháng 9 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đỏ, ốp nhựa dẻo trong suốt, trị giá: 8.000.000 đồng;
- 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Pro, wifi, màu bạc, dung lượng 256 GB, màn hình 10.5 inch, ốp da màu nâu, trị giá: 9.000.000 đồng;
- 01 chiếc túi xách bằng vải dù không rõ nhãn hiệu, màu vàng - đỏ - xanh, có quai đeo màu đen, kích thước (33 x 10,5)cm, trị giá: 50.000 đồng;
- 01 chiếc kính mắt (loại kính cận) không rõ nhãn hiệu (gọng bằng kim loại, có bọc nhựa dẻo nhiều màu, tròng kính trong suốt), trị giá: 1.000.000 đồng;
- 01 chiếc kính mắt, không rõ nhãn hiệu (loại kính thường, gọng kính bằng kim loại, có bọc nhựa dẻo màu đen, tròng kính màu tối), trị giá: 30.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản định giá là: 18.080.000 đồng (mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS BMT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Lê Văn T, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra, cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 17 tháng 12 năm 2019, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam ngày 09/11/2019.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 10.500.000 đồng.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng là thiệt hại về kinh tế do hành vi trộm cắp của bị cáo tại phiên tòa chị N chưa cung cấp được tài liệu để chứng minh, nên tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự riêng khi chị N có đơn yêu cầu.

- *Về xử lý vật chứng:*

+ Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đỏ, ốp nhựa dẻo trong suốt; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Pro, wifi, màu bạc, dung lượng 256 GB, màn hình 10.5 inch, ốp da màu nâu; 01 chiếc túi xách bằng vải dù không rõ nhãn hiệu, màu vàng - đỏ - xanh, có quai đeo màu đen, kích thước (33 x 10, 5)cm; 01 chiếc kính mắt (loại kính cận, không rõ nhãn hiệu); 01 chiếc kính mắt (loại kính thường, không rõ nhãn hiệu); 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô biển số: 47B1-961.34 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe mô tô; 01 thẻ ATM của ngân hàng Đông Á, 01 giấy phép lái xe, là các tài sản của chị Hoàng Thị Phương N. Ngày 09/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị N nhận quản lý sử dụng.

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, biển số: 47N9-8337, số khung: 5C6308Y172907, số máy: 5C63172907 và 01 giấy đăng ký của xe mô tô số 117227, quá trình điều tra xác định: Người đứng tên đăng ký chủ sở hữu chiếc xe mô tô là anh Nguyễn Đình Quốc D (sinh năm 1990, trú tại: 22 P, phường T, thành phố B). Khoảng tháng 3 năm 2018, anh D đã bán chiếc xe mô tô cho bị cáo T nhưng chưa làm thủ tục sang nhượng quyền sở hữu. Ngày 23/8/2019, Lê Văn T sử dụng chiếc xe mô tô vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, là phù hợp.

+ Đối với 01 chiếc túi bằng vải dù, màu đỏ (không có giá trị sử dụng), Lê Văn T sử dụng để cất giấu chiếc điện thoại di động và chiếc máy tính bảng trộm cắp được, nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Bị cáo Lê Văn T không có ý kiến tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 23/8/2019 tại nhà chị Hoàng Thị Phương N, ở địa chỉ: Thôn 7, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đỏ, có ốp nhựa dẻo trong suốt; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Pro, wifi, màu bạc, dung lượng 256GB, màn hình 10.5 inch, có ốp da màu nâu; 01 chiếc túi xách bằng vải dù, màu đỏ, xanh, vàng; 01 chiếc kính mắt (loại kính cận, không rõ nhãn hiệu); 01 chiếc kính mắt (loại kính thường, không rõ nhãn hiệu) và số tiền 10.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 28.580.000 đồng thì bị phát hiện và bắt giữ.

Quá trình điều tra chị N khai báo là bị mất số tiền khoảng 20.000.000 đồng nhưng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận lấy của chị Nhi số tiền 10.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã tiến hành điều tra, xác minh và đối chất nhưng không có đủ căn cứ xác định bị cáo đã trộm cắp số tiền 20.000.000 đồng của chị N. Do đó, Viện kiểm sát xác định số tiền bị cáo lấy của chị Nhi là 10.500.000 đồng là có căn cứ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[2]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc

phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, luôn luôn được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Song, do động cơ vụ lợi cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút để trộm cắp tài sản của chị N để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, ngoài ra trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu từng bị xét xử về tội cố ý gây thương tích, bị cáo đã không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục con đường phạm tội. Vì vậy, đối với bị cáo cần có mức án đủ nghiêm và buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới đủ tính chất giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Đối với anh Trần Văn T1 là người ở cùng phòng trọ với bị cáo Lê Văn T, nhưng anh T1 không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản và mang về cất giấu tại phòng trọ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tài sản do bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và một phần tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng cần áp dụng trong khi lượng hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

** Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Hoàng Thị Phương N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng số tiền bị mất và bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, là thiệt hại về kinh tế từ việc do bị trộm cắp chiếc điện thoại di động, máy tính bảng, tổng số tiền yêu cầu bị cáo bồi thường là 50.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với số tiền 20.000.000 đồng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T chỉ thừa nhận lấy của chị N là 10.500.000 đồng và chị N cũng không chứng minh được số tiền mình còn trong ví là bao nhiêu và tại phiên tòa chị N cũng cho rằng số tiền trong ví chỉ khoảng 20.000.000 đồng, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị N, mà buộc bị cáo Lê Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị N số tiền bị mất là 10.500.000 đồng.

+ Đối với số tiền thiệt hại về kinh tế 30.000.000 đồng, chị N cho rằng đây là số tiền do thiệt hại từ hành vi trộm cắp của bị cáo dẫn đến chị phải bán một số

tài sản để thanh toán các khoản chi tiêu trong cuộc sống hằng ngày. Tuy nhiên, tại phiên tòa và trong quá trình điều tra chị N chưa cung cấp được chứng cứ, tài liệu đối với khoản thiệt hại này, nên Hội đồng xét xử chưa có đủ căn cứ để chấp nhận, mà cần tách ra thành một vụ kiện dân sự đối với số tiền này khi chị N có yêu cầu.

** Xử lý vật chứng:*

+ Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đỏ, ốp nhựa dẻo trong suốt; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Pro, wifi, màu bạc, dung lượng 256 GB, màn hình 10.5 inch, ốp da màu nâu; 01 chiếc túi xách bằng vải dù không rõ nhãn hiệu, màu vàng - đỏ - xanh, có quai đeo màu đen, kích thước (33 x 10, 5)cm; 01 chiếc kính mắt (loại kính cận, không rõ nhãn hiệu); 01 chiếc kính mắt (loại kính thường, không rõ nhãn hiệu); 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô biển số: 47B1-961.34 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe mô tô; 01 thẻ ATM của ngân hàng Đông Á, 01 giấy phép lái xe, là các tài sản của chị Hoàng Thị Phương N. Ngày 09/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị N nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, biển số: 47N9-8337, số khung: 5C6308Y172907, số máy: 5C63172907 và 01 giấy đăng ký của xe mô tô số 117227, quá trình điều tra xác định: Người đứng tên đăng ký chủ sở hữu chiếc xe mô tô là anh Nguyễn Đình Quốc D. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 3 năm 2018, anh D đã bán chiếc xe mô tô này cho bị cáo nhưng chưa làm thủ tục sang nhượng quyền sở hữu. Ngày 23/8/2019, bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với chiếc xe này.

+ Đối với 01 chiếc túi bằng vải dù, màu đỏ, Lê Văn T sử dụng để cất giấu chiếc điện thoại di động và chiếc máy tính bảng trộm cắp được không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với chiếc chìa khóa bị cáo sử dụng mở cửa ra vào phòng khách nhà chị N để trộm cắp tài sản, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã vứt bỏ, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[5]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/11/2019.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Lê Văn T bồi thường cho chị Hoàng Thị Phương N với tổng số tiền là 10.500.000 đồng;

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng thiệt hại về kinh tế do hành vi trộm cắp của bị cáo gây ra, do chị Nhi chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên cần tách ra thành một vụ kiện dân sự khác khi chị Nhi có yêu cầu.

- Xử lý vật chứng:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trả cho chị Hoàng Thị Phương N, là chủ sở hữu nhận sử dụng đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đỏ, ốp nhựa dẻo trong suốt; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Pro, wifi, màu bạc, dung lượng 256 GB, màn hình 10.5 inch, ốp da màu nâu; 01 chiếc túi xách bằng vải dù không rõ nhãn hiệu, màu vàng - đỏ - xanh, có quai đeo màu đen, kích thước (33 x 10, 5)cm; 01 chiếc kính mắt (loại kính cận, không rõ nhãn hiệu); 01 chiếc kính mắt (loại kính thường, không rõ nhãn hiệu); 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô biển số: 47B1-961.34 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe mô tô; 01 thẻ ATM của ngân hàng Đông Á, 01 giấy phép lái xe, là các tài sản của chị Hoàng Thị Phương N

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, biển số: 47N9-8337, số khung: 5C6308Y172907, số máy: 5C63172907 và 01 giấy đăng ký của xe mô tô số 117227, là tài sản của bị cáo sử dụng cho việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 01 chiếc túi bằng vải dù, màu đỏ là tài sản của bị cáo sử dụng cho việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 525.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chánh án TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Y Kam Ênuôl